

Số: 2270/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 10 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục DVC trực tuyến mức độ 4 lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý và thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ quy định về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Danh mục dịch vụ công tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2020 và Quyết định số 406/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 24/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy chế xây dựng và quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Kế hoạch số 2714/KH-UBND ngày 11/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Cung cấp dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 4 của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Thành lập Tổ công tác xây dựng và triển khai Kế hoạch cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4 của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục DVC trực tuyến mức độ 4 lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi quản lý và thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng, nâng cấp các DVC (thủ tục hành chính) được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này lên DVC mức độ 4 hoàn thành trước ngày 01/9/2021.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong quá trình tổ chức thực hiện. Tổ chức vận hành kiểm thử, xác nhận hoàn thành việc xây dựng DVC mức độ 4 thuộc thẩm quyền của đơn vị trước khi chính thức đưa vào sử dụng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Tin học hóa - Bộ TT&TT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực BCĐ CCHC tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHCC, KSTTHC (Thảo).

C:\Users\Admin\OneDrive\Năm 2021\QĐ Danh mục DVC mức 4 (STNMT).docx

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Quang Bửu

Phụ lục
DANH MỤC DVC (TTHC) LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ VÀ THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRIỂN KHAI MỨC ĐỘ 4 NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính (Dịch vụ công)	Lĩnh vực	Mức độ DVC đã triển khai	Đăng ký triển khai mức độ 4 năm 2021
1	1.004688.000.00.00.H47	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	Đất đai	Mức độ 3	X
2	1.004217.000.00.00.H47	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo	Đất đai	Mức độ 3	X
3	1.004267.000.00.00.H47	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đất đai	Mức độ 3	X
4	1.003010.000.00.00.H47	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Đất đai	Mức độ 3	X

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính (Dịch vụ công)	Lĩnh vực	Mức độ DVC đã triển khai	Đăng ký triển khai mức độ 4 năm 2021
5	1.002253.000.00.00.H47	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Đất đai	Mức độ 3	X
6	1.005398.000.00.00.H47	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Đất đai	Mức độ 3	X
7	2.001938.000.00.00.H47	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	Đất đai	Mức độ 3	X
8	1.004238.000.00.00.H47	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Đất đai	Mức độ 3	X
9	1.002040.000.00.00.H47	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Đất đai	Mức độ 3	X

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính (Dịch vụ công)	Lĩnh vực	Mức độ DVC đã triển khai	Đăng ký triển khai mức độ 4 năm 2021
10	1.004227.000.00.00.H47	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận.	Đất đai	Mức độ 3	X
11	1.004221.000.00.00.H47	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề	Đất đai	Mức độ 3	X
12	1.001990.000.00.00.H47	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	Đất đai	Mức độ 3	X
13	1.004203.000.00.00.H47	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	Đất đai	Mức độ 3	X
14	1.004199.000.00.00.H47	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Đất đai	Mức độ 3	X
15	1.004193.000.00.00.H47	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai	Mức độ 3	X
16	1.004177.000.00.00.H47	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp Luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	Đất đai	Mức độ 3	X
17	1.003003.000.00.00.H47	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	Đất đai	Mức độ 3	X
18	1.002973.000.00.00.H47	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Đất đai	Mức độ 3	X

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính (Dịch vụ công)	Lĩnh vực	Mức độ DVC đã triển khai	Đăng ký triển khai mức độ 4 năm 2021
19	1.002962.000.00.00.H47	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	Đất đai	Mức độ 3	X
20	1.002273.000.00.00.H47	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	Đất đai	Mức độ 3	X
21	1.002993.000.00.00.H47	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	Đất đai	Mức độ 3	X
22	2.000889.000.00.00.H47	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	Đất đai	Mức độ 3	X
23	1.001991.000.00.00.H47	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Đất đai	Mức độ 3	X

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính (Dịch vụ công)	Lĩnh vực	Mức độ DVC đã triển khai	Đăng ký triển khai mức độ 4 năm 2021
24	1.000880.000.00.00.H47	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	Đất đai	Mức độ 3	X
25	1.001134.000.00.00.H47	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất đai	Mức độ 3	X
26	1.001980.000.00.00.H47	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Đất đai	Mức độ 3	X
27	1.001007.000.00.00.H47	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	Đất đai	Mức độ 3	X
28	1.001039.000.00.00.H47	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo quy định pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Đất đai	Mức độ 3	X

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính (Dịch vụ công)	Lĩnh vực	Mức độ DVC đã triển khai	Đăng ký triển khai mức độ 4 năm 2021
29	1.000964.000.00.00.H47	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Đất đai	Mức độ 2	X
30	2.000962.000.00.00.H47	Thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp	Đất đai	Mức độ 2	X
31	1.001850.000.00.00.H47	Thẩm định, phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi	Đất đai	Mức độ 2	X
32	1.004583.000.00.00.H47	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất	Đất đai	Mức độ 2	X
33	1.004550.000.00.00.H47	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai	Đất đai	Mức độ 3	X
34	1.003862.000.00.00.H47	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận	Đất đai	Mức độ 3	X
35	1.003688.000.00.00.H47	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu	Đất đai	Mức độ 3	X
36	1.003625.000.00.00.H47	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký	Đất đai	Mức độ 3	X

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính (Dịch vụ công)	Lĩnh vực	Mức độ DVC đã triển khai	Đăng ký triển khai mức độ 4 năm 2021
37	1.003046.000.00.00.H47	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký	Đất đai	Mức độ 3	X
38	2.000801.000.00.00.H47	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đất đai	Mức độ 3	X
39	1.001696.000.00.00.H47	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở	Đất đai	Mức độ 3	X
40	1.000655.000.00.00.H47	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đất đai	Mức độ 3	X
41	2.001761.000.00.00.H47	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân	Đất đai	Mức độ 3	X
42	1.005194.000.00.00.H47	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	Đất đai	Mức độ 3	X
43	1.001009.000.00.00.H47	Chuyển nhượng vốn đầu tư giá trị quyền sử dụng đất	Đất đai	Mức độ 3	X
44	1.000778.000.00.00.H47	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	Khoáng sản	Mức độ 3	X
45	1.004446.000.00.00.H47	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	Khoáng sản	Mức độ 3	X
46	1.004132.000.00.00.H47	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch	Khoáng sản	Mức độ 3	X

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính (Dịch vụ công)	Lĩnh vực	Mức độ DVC đã triển khai	Đăng ký triển khai mức độ 4 năm 2021
47	2.001781.000.00.00.H47	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Khoáng sản	Mức độ 3	X
48	1.004481.000.00.00.H47	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	Khoáng sản	Mức độ 3	X
49	2.001814.000.00.00.H47	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Khoáng sản	Mức độ 3	X
50	1.005408.000.00.00.H47	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	Khoáng sản	Mức độ 3	X
51	2.001783.000.00.00.H47	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	Khoáng sản	Mức độ 3	X
52	1.004345.000.00.00.H47	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	Khoáng sản	Mức độ 3	X
53	1.004135.000.00.00.H47	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	Khoáng sản	Mức độ 3	X
54	1.004343.000.00.00.H47	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Khoáng sản	Mức độ 3	X
55	2.001777.000.00.00.H47	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Khoáng sản	Mức độ 3	X
56	2.001787.000.00.00.H47	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	Khoáng sản	Mức độ 3	X
57	1.004367.000.00.00.H47	Đóng cửa mỏ khoáng sản	Khoáng sản	Mức độ 3	X
58	1.004264.000.00.00.H47	Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đối với trường hợp Giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp trước ngày Nghị định số 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực)	Khoáng sản	Mức độ 3	X
59	1.004232.000.00.00.H47	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Tài nguyên nước	Mức độ 3	X
60	1.004228.000.00.00.H47	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Tài nguyên nước	Mức độ 3	X
61	1.004223.000.00.00.H47	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Tài nguyên nước	Mức độ 3	X

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính (Dịch vụ công)	Lĩnh vực	Mức độ DVC đã triển khai	Đăng ký triển khai mức độ 4 năm 2021
62	1.004211.000.00.00.H47	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Tài nguyên nước	Mức độ 2	X
63	1.004179.000.00.00.H47	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm	Tài nguyên nước	Mức độ 3	X
64	1.004167.000.00.00.H47	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ / ngày đêm; gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m ³ / ngày đêm	Tài nguyên nước	Mức độ 3	X
65	1.004152.000.00.00.H47	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	Tài nguyên nước	Mức độ 3	X
66	1.004140.000.00.00.H47	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác	Tài nguyên nước	Mức độ 3	X

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính (Dịch vụ công)	Lĩnh vực	Mức độ DVC đã triển khai	Đăng ký triển khai mức độ 4 năm 2021
67	1.000824.000.00.00.H47	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	Tài nguyên nước	Mức độ 3	X
68	1.004253.000.00.00.H47	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Tài nguyên nước	Mức độ 3	X
69	1.001740.000.00.00.H47	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh	Tài nguyên nước	Mức độ 2	X
70	1.004122.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Tài nguyên nước	Mức độ 3	X
71	2.001738.000.00.00.H47	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	Tài nguyên nước	Mức độ 3	X
72	1.004283.000.00.00.H47	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước	Mức độ 2	X
73	2.001770.000.00.00.H47	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	Tài nguyên nước	Mức độ 2	X
74	1.009669.000.00.00.H47	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành cấp tỉnh	Tài nguyên nước	Mức độ 2	X
75	1.001645.000.00.00.H47	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	Tài nguyên nước	Mức độ 3	X
76	1.000987.000.00.00.H47	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Khí tượng thủy văn	Mức độ 3	X
77	1.000970.000.00.00.H47	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Khí tượng thủy văn	Mức độ 3	X

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính (Dịch vụ công)	Lĩnh vực	Mức độ DVC đã triển khai	Đăng ký triển khai mức độ 4 năm 2021
78	1.000943.000.00.00.H47	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Khí tượng thủy văn	Mức độ 3	X
79	1.004249.000.00.00.H47	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/Thẩm định, phê duyệt lại báo cáo đánh giá tác động môi trường	Môi trường	Mức độ 3	X
80	1.004356.000.00.00.H47	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	Môi trường	Mức độ 3	X
81	1.004148.000.00.00.H47	Đăng ký/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	Môi trường	Mức độ 3	X
82	1.004141.000.00.00.H47	Chấp thuận về môi trường đối với đề nghị điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt	Môi trường	Mức độ 3	X
83	1.004240.000.00.00.H47	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản	Môi trường	Mức độ 3	X
84	1.004258.000.00.00.H47	Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản	Môi trường	Mức độ 3	X
85	1.004246.000.00.00.H47	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH	Môi trường	Mức độ 3	X
86	1.004621.000.00.00.H47	Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH	Môi trường	Mức độ 3	X
87	1.004129.000.00.00.H47	Chấp thuận tách đầu nối khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và tự xử lý nước thải phát sinh	Môi trường	Mức độ 3	X
88	1.008675.000.00.00.H47	Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	Môi trường	Mức độ 3	X

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính (Dịch vụ công)	Lĩnh vực	Mức độ DVC đã triển khai	Đăng ký triển khai mức độ 4 năm 2021
89	1.005741.000.00.00.H47	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	Môi trường	Mức độ 3	X
90	1.008682.000.00.00.H47	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Môi trường	Mức độ 3	X
91	1.005401.000.00.00.H47	Giao khu vực biển	Biển - Hải đảo	Mức độ 3	X
92	1.004935.000.00.00.H47	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển	Biển - Hải đảo	Mức độ 3	X
93	1.005400.000.00.00.H47	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển	Biển - Hải đảo	Mức độ 3	X
94	1.005399.000.00.00.H47	Trả lại khu vực biển	Biển - Hải đảo	Mức độ 3	X
95	1.009481.000.00.00.H47	Công nhận khu vực biển	Biển - Hải đảo	Mức độ 2	X
96	1.004237.000.00.00.H47	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	Tài nguyên - Môi trường	Mức độ 3	X
Tổng cộng					96